

## 4. PHƯỜNG THỚI SƠN

| STT | Tên Đường                                          | Đoạn Đường                                                                   |                               | Giá đất ở |
|-----|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------|
|     |                                                    | Từ                                                                           | Đến                           |           |
| 1   | Trần Hưng Đạo                                      | Lý Thường Kiệt                                                               | Lê Thị Hồng Gấm               | 32.200    |
|     |                                                    | Lê Thị Hồng Gấm                                                              | Đường dọc bờ kè sông Tiền     | 12.600    |
| 2   | Dương Khuy                                         | Toàn tuyến                                                                   |                               | 11.000    |
| 3   | Lý Thường Kiệt                                     | Trần Hưng Đạo                                                                | Lê Văn Phẩm                   | 30.000    |
| 4   | Trịnh Văn Quảng                                    | Lý Thường Kiệt                                                               | Công viên Khu phố 6, 7        | 9.000     |
| 5   | Trần Ngọc Giải                                     | Lý Thường Kiệt                                                               | Phan Lương Trục               | 10.400    |
|     |                                                    | Phan Lương Trục                                                              | Nguyễn Thị Thập (Quốc lộ 60)  | 6.600     |
| 6   | Phan Lương Trục                                    | Lê Văn Phẩm                                                                  | Hồ Bé                         | 11.600    |
|     |                                                    | Hồ Bé                                                                        | Kênh Xáng cụt                 | 5.800     |
| 7   | Hồ Bé                                              | Vũ Mạnh                                                                      | Phan Lương Trục               | 6.600     |
| 8   | Vũ Mạnh                                            | Nguyễn Thị Thập (Quốc lộ 60)                                                 | Toàn tuyến                    | 5.600     |
| 9   | Nguyễn Công Bình                                   | Nguyễn Thị Thập (Quốc lộ 60)                                                 | Cầu Nguyễn Công Bình          | 9.400     |
| 10  | Lê Văn Phẩm                                        | Nguyễn Thị Thập (Quốc lộ 60)                                                 | Phan Lương Trục               | 15.200    |
|     |                                                    | Phan Lương Trục                                                              | Lý Thường Kiệt                | 15.200    |
| 11  | Lê Thị Hồng Gấm                                    | Trần Hưng Đạo (ngã 4)                                                        | Đường Trần Văn Dực (phía Tây) | 27.000    |
|     |                                                    | Đường Trần Văn Dực (phía Tây)                                                | Trường Chính Trị              | 23.000    |
| 12  | Đường Trần Văn Dực (phía Tây)                      | Toàn tuyến                                                                   |                               | 12.000    |
| 13  | Đường Trần Văn Dực (phía Đông)                     | Toàn tuyến                                                                   |                               | 12.000    |
| 14  | Khu vực chợ Vòng nhỏ                               | Toàn khu                                                                     |                               | 12.600    |
| 15  | Nguyễn Thị Thập (Quốc lộ 60)                       | Lê Thị Hồng Gấm                                                              | Lê Văn Phẩm                   | 15.200    |
| 16  | Đường vào và Đường nội bộ khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng |                                                                              |                               | 7.200     |
| 17  | Nguyễn Ngọc Ba (Đường cấp Trường Chính trị)        |                                                                              |                               | 6.600     |
| 18  | Đường vào Vựa lá Thanh Tòng cũ                     | Trần Hưng Đạo                                                                | Dương Khuy                    | 9.000     |
| 19  | Đường Trung tâm xã Thới Sơn (Đường huyện 94C)      | Từ cầu Đúc về hướng Đông, kể cả 02 tuyến Đường nhánh lên xuống cầu Rạch Miễu |                               | 2.200     |

|    |                                                      |                             |                                  |        |
|----|------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|--------|
|    |                                                      | Từ cầu Đức về hướng Tây     |                                  | 1.840  |
| 20 | Đường Bờ kênh, phường Thời Sơn (cấp Quan Âm Tu viện) | Toàn tuyến                  |                                  | 6.600  |
| 21 | Đường vào hãng nước mắm Hải Lợi Nguyên               | Đường Lê Thị Hồng Gấm       | Ranh QH khu dân cư dọc sông Tiền | 6.600  |
| 22 | Đất Khu dân cư Vườn Thuộc Nam                        | Toàn khu                    |                                  | 6.600  |
| 23 | Đường dọc bờ kè sông Tiền                            | Trần Hưng Đạo               | Trần Văn Dực (phía Tây)          | 18.400 |
|    |                                                      | Trần Văn Dực (phía Tây)     | Kênh Xáng Cụt                    | 13.400 |
| 24 | Đường Đỗ Quang (Khu tái định cư kênh Xáng Cụt, )     |                             |                                  | 10.400 |
| 25 | Khu tái định cư dọc sông Tiền                        | Mặt tiền Đường nhựa rộng 7m |                                  | 14.500 |
|    |                                                      | Mặt tiền Đường nhựa rộng 6m |                                  | 12.100 |
| 26 | Đường vào Trường Nam Định                            | Lê Thị Hồng Gấm             | Kênh Xáng cụt                    | 11.600 |